

Bản án số: 176/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 24/7/2017

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN TỈNH TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thắng;
2. Bà Trần Thị Kim Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Tiến Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2017/TLST-HNGĐ, ngày 27/02/2017 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05/7/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Tổng Thị Thanh T**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn S, xã A, TP T, tỉnh Tuyên Quang;

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân Q**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

(Chị T có mặt, anh Q xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, lời trình bày trong phiên hoà giải chị Tổng Thị Thanh T trình bày: Vợ chồng chị quen biết, tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được cưới hỏi theo phong tục, ngày 28/7/2015 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị làm ăn, sinh sống tại thôn P, xã T. Quá trình chung sống đến khi chị sinh con thì anh Q thường xuyên gây sự chửi bới, đánh đập dọa giết chị. Không muốn chị góp ý vào công việc nhà chồng, nhiều lần đuổi chị ra khỏi nhà. Anh Q còn chửi, xúc phạm mẹ chị. Đến tháng 6 năm 2016 chị đã sống ly thân với anh Q. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Q, chị xin ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 04/8/2015. Khi ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi cháu, yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và vay nợ: Chị và anh Q không có tài sản chung, vay nợ chung.

Tại phiên tòa chị Tống Thị Thanh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Chị trình bày lý do cấp dưỡng 2.000.000đ/ tháng là do con nhỏ, ăn uống, sữa rồi các thực phẩm khác, chi phí thuốc men tốn kém. Anh Q làm nghề lái xe, buôn bán gỗ, góp tiền chung vốn với người khác buôn bán gỗ, thu nhập được 7.000.000đ đến 8.000.000đ/ tháng. Chị có thu nhập là 4.300.000đ/ tháng.

Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Xuân Q trình bày: Anh và chị T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Vợ chồng anh sống hoà thuận, hạnh phúc. Có thời gian anh đi làm về muộn, không hiểu lý do gì chị T không nấu cơm, anh có chửi chị T, chị T xúc phạm lại anh, anh có tát chị T. Sau đó chị T gửi đơn xin ly hôn. Anh không muốn ly hôn vì con còn bé nhưng chị T nhất quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Anh chị có 01 con chung như chị T trình bày. Anh đề nghị anh được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng vì gia đình anh có đủ điều kiện về cung cấp thực phẩm có sẵn; nhà có đất rộng gần 10 ha; anh làm nghề buôn bán gỗ. Chị T đề nghị mức cấp dưỡng anh không nhất trí.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh và chị T không có.

Anh Q xin xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 BLTTDS, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị xử cho chị Tống Thị Thanh T ly hôn anh Nguyễn Xuân Q; Về con chung giao con chung là cháu Nguyễn Đức Anh, sinh ngày 04/8/2015 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh Nguyễn Xuân Q phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/ tháng kể từ tháng 7/2017, phương thức cấp dưỡng hàng tháng và được quyền đi lại thăm nom con chung. Chị T phải chịu án phí ly hôn, anh Q phải chịu án phí cấp dưỡng. Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

(1) Tòa án thụ lý vụ án, tiến hành hòa giải vụ án nhưng không thành. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt hợp lệ cho anh Q, anh Q xin xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

(2) Hôn nhân của chị Tổng Thị Thanh T và anh Nguyễn Xuân Q trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền do đó hôn nhân là hợp pháp. Cuộc sống chung chị T, anh Q diễn ra thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn. Chị T, anh Q đã sống ly thân hơn 01 năm. Không ai còn tình cảm, quan tâm, chăm sóc đến ai, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó xử cho chị Tổng Thị Thanh T ly hôn anh Nguyễn Xuân Q.

(3) Con chung: Chị Tổng Thị Thanh T và anh Nguyễn Xuân Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 04/8/2015. Cháu A mới được hơn 23 tháng tuổi. Do đó giao cháu A cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục,

Kết quả xác minh tại nơi anh Q sinh sống thì anh Q làm nông nghiệp và làm thêm lái xe thuê. Không xác định được mức thu nhập bình quân của anh Q.

Chị T trình bày anh Q buôn bán gỗ, góp tiền chung vốn mở xưởng chế biến gỗ và thu nhập từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ / tháng nhưng không có căn cứ để chứng minh.

Xét điều kiện kinh tế, xã hội nơi cháu A sinh sống, thu nhập của anh Q, chị T và chi phí cho chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu A tại nơi cháu sinh sống, cần buộc anh Q cấp dưỡng cho cháu là 1.300.000đ/ tháng là phù hợp; cấp dưỡng từ tháng 7/2017 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng là hàng tháng. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

(4) Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T, anh Q xác định không có.

(5) Về án phí: Chị Tổng Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ, trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp. Anh Nguyễn Xuân Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tổng Thị Thanh T xin ly hôn anh Nguyễn Xuân Q.

Tuyên xử:

1. Cho chị Tổng Thị Thanh T ly hôn anh Nguyễn Xuân Q.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Đức A cho chị Tổng Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Xuân Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng) /tháng cho đến khi cháu A đủ 18

tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng, kể từ tháng 7/2017 và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm cấp dưỡng thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Tống Thị Thanh T và anh Nguyễn Xuân Q không có.

4. Về án phí: Chị Tống Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003395 ngày 27/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chị T đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Xuân Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chị Tống Thị Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Xuân Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang; (Khi án có hiệu lực)
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;(nt)
- Viện kiểm sát ND tỉnh TQ;
- Viện kiểm sát ND huyện YS;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Anh Thành

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Nguyễn Quang Thắng
Dung**

Trần Thị Kim

Phan Anh Thành

